

Đôla hóa tại một số nước đang phát triển

TRỊNH QUỐC TRUNG

Dôla hóa hệ thống tài chính là việc các tổ chức tài chính, đặc biệt là các ngân hàng thực hiện huy động vốn và cho vay bằng ngoại tệ. Tình trạng đôla hóa có những tác động tích cực và tiêu cực nhất định đối với nền kinh tế nên mỗi quốc gia phải lựa chọn quan điểm riêng của mình trong từng hoàn cảnh cụ thể để có thể đạt được các mục tiêu khác nhau như ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thu hút đầu tư nước ngoài... Bài viết hướng đến việc tìm hiểu về thực trạng đôla hóa hệ thống tài chính ở một số nước đang phát triển và chuyển đổi cùng với các nguyên nhân gây ra tình trạng đôla hóa hệ thống tài chính để rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

1. Giới thiệu

Đôla hóa không phải là một vấn đề mới mà đã nảy sinh và phát triển cùng với sự phát triển của thương mại và tài chính quốc tế từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Cùng với sự gia tăng hoạt động thương mại quốc tế là sự gia tăng việc sử dụng ngoại tệ trong quá trình giao dịch giữa các cá nhân, tổ chức giữa các cá nhân với nhau.

Ở các nước đang phát triển và các nước trong giai đoạn chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa sang nền kinh tế thị trường xuất hiện tình trạng suy thoái kinh tế đi kèm theo với tỷ lệ lạm phát cao, đồng nội tệ bị giảm sút sức mua, cùng với sự nổi lỏng các hạn chế nắm giữ ngoại tệ hoặc không hạn chế quyền nắm giữ ngoại tệ đã thúc đẩy các cá nhân và tổ chức trong một quốc gia tiến hành mở rộng việc nắm giữ ngoại tệ như là công cụ phòng vệ trước sự mất giá của đồng nội tệ, cũng như sự sụt giảm giá trị của các tài sản tài chính. Việc duy trì một tỷ lệ đáng kể tiền gửi và tiền vay ngoại tệ tiềm ẩn nguy cơ rủi ro đối với sự ổn định của hệ thống tài chính quốc gia, đặc biệt khi các thị trường tài chính ở các nước đang phát triển và chuyển đổi còn khá sơ khai và manh mún nên dễ bị tổn thương khi có sự gia tăng tiền gửi và cho vay bằng ngoại tệ.

Các nghiên cứu về đôla hóa đã được tiến hành trên thế giới cho thấy rằng, nếu một quốc gia có chỉ số đôla hóa cao có thể sẽ làm giảm tác động của chính sách tiền tệ quốc gia đến nền kinh tế, cũng như làm gia tăng tính bất ổn của hệ thống tài chính khi có sự thay đổi đột ngột mang tính bất lợi của tỷ giá.

Theo quan điểm của nhiều nhà kinh tế, đôla hóa là hiện tượng các cá nhân, tổ chức nắm giữ các tài sản tài chính bằng ngoại tệ. Điều này có nghĩa là người ta sử dụng đồng ngoại tệ thay thế cho đồng nội tệ như là đơn vị đo lường, phương tiện thanh toán và phương tiện tích trữ giá trị.

Nếu xét theo nghĩa rộng, đôla hóa có thể xem xét ở nhiều góc độ khác nhau như: cá nhân, hệ thống tài chính và quốc gia.

Đôla hóa ở góc độ cá nhân là hiện tượng các cá nhân thực hiện việc nắm giữ phần lớn tài sản của mình dưới dạng ngoại tệ để thực hiện việc đo lường, thanh toán và tích trữ giá trị thay cho việc nắm giữ đồng nội tệ.

Đôla hóa ở góc độ hệ thống tài chính là hiện tượng các ngân hàng nắm giữ một lượng tiền gửi và cho vay đáng kể bằng ngoại tệ thường được gọi với thuật ngữ đôla hóa hệ thống ngân hàng (De Nicolo, Honohan and Ize, 2003).

Trình Quốc Trung, TS., Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

Đôla hóa ở góc độ quốc gia là hiện tượng các quốc gia từ bỏ một phần hoặc toàn bộ đồng nội tệ mà sử dụng đồng ngoại tệ trong hệ thống tài chính cũng như trong cuộc sống thường nhật của xã hội.

Nguyên nhân chủ yếu của hiện tượng đôla hóa xuất phát chủ yếu từ sự bất ổn của kinh tế vĩ mô, tỷ lệ lạm phát cao và sự mất giá của đồng nội tệ (Havrylyshyn, Beddies, 2003).

Ngoài ra, còn có các nguyên nhân khác như sự hiện diện của các ngân hàng nước ngoài (IMF Country Report, 2007), hoặc do kiểu hối (Dabla-Norris and Floerkemeier, 2006).

Các nghiên cứu về đô la hóa được tiến hành trước tiên đối với các nền kinh tế thuộc

Châu Mỹ Latinh trong giai đoạn 1980–1995 do tỷ lệ lạm phát cao sau khi các nền kinh tế này rơi vào suy thoái, dẫn đến sự gia tăng sử dụng đồng đôla Mỹ vào những năm cuối thập niên 1980. Hệ quả là một số quốc gia đã phải quyết định thay thế đồng nội tệ bằng đồng ngoại tệ nhằm giảm lạm phát, giảm kỳ vọng lạm phát và ổn định nền kinh tế (ví dụ như Ecuador đã tiến hành đôla hóa chính thức vào tháng 9-2000).

Nghiên cứu của Fabricio de Assis C.Vieira, Marcio Hooland and Marco Flavio da Cunha Resende vào năm 2012 về mối quan hệ giữa mức độ đôla hóa tiền gửi và lạm phát tại 79 quốc gia thuộc Châu Á, Châu Âu, Châu Phi và Châu Mỹ cho thấy có mối liên hệ nghịch chiều (bảng 1).

BẢNG 1: Lạm phát bình quân và đôla hóa theo vùng và giai đoạn (%)

Vùng và số quốc gia	1991 - 1998		1999 - 2006	
	Tiền gửi ngoại tệ	Tỷ lệ lạm phát	Tiền gửi ngoại tệ	Tỷ lệ lạm phát
Châu Mỹ (22)	27,6	15,9	30,7	5,9
Châu Phi (4)	32,8	13,4	36,2	4,2
Châu Á (25)	22,1	7,9	27,2	3,8
Châu Âu (28)	23,4	15,7	26,7	6,5

Nguồn: Fabricio de Assis C. Vieira và cộng sự (2012)

Đối với các nền kinh tế chuyển đổi, hiện tượng đôla hóa cũng đã bắt đầu vào thập niên 1980 và đầu những năm 2000 tương tự như những gì đã xảy ra ở các nước Châu Mỹ Latinh do sự không ổn định của kinh tế vĩ mô tại các nước này (Alexey Ponomarenko, Alexandra Soloveyeva and Elena Vasilieva, 2011).

Để đo lường mức độ đôla hóa, nhiều nhà nghiên cứu đề xuất sử dụng tỷ lệ tiền gửi ngoại tệ/tổng tiền gửi hoặc (và) tỷ lệ cho vay bằng ngoại tệ/tổng cho vay (Levy Yeyati, 2006).

3. Đôla hóa tại các nước đang chuyển đổi và đang phát triển

3.1 Đôla hóa tại các nước đang chuyển đổi thuộc Liên Xô cũ

3.1.1. Đôla hóa tiền gửi

Mức độ phát triển của hệ thống tài chính - các quốc gia có mức độ phát triển của lĩnh vực tài chính thấp – đồng nghĩa với việc thiếu các công cụ tài chính và tiết kiệm phù hợp dẫn đến tình trạng người dân giữ tiền tiết kiệm của mình dưới dạng ngoại tệ và thông thường là đôla Mỹ. Hay nói khác đi, các quốc gia có hệ thống ngân hàng lớn hơn sẽ làm giảm bớt mức độ đôla hóa.

Năng lực quản trị quốc gia và sự ổn định chính trị cũng có mối quan hệ nhất

định với tình trạng đôla hóa theo hướng năng lực quản trị quốc gia. Sự ổn định chính trị sẽ phản ánh vào sự tin cậy đối với các chính sách kinh tế và hiệu quả thực hiện các chính sách. Nếu năng lực quản trị quốc gia thấp sẽ làm giảm đi lòng tin vào hệ thống tài chính trong nước cũng như đồng nội tệ. Thực tế tại các nước thuộc Liên Xô cũ đã cho thấy khá rõ điều này.

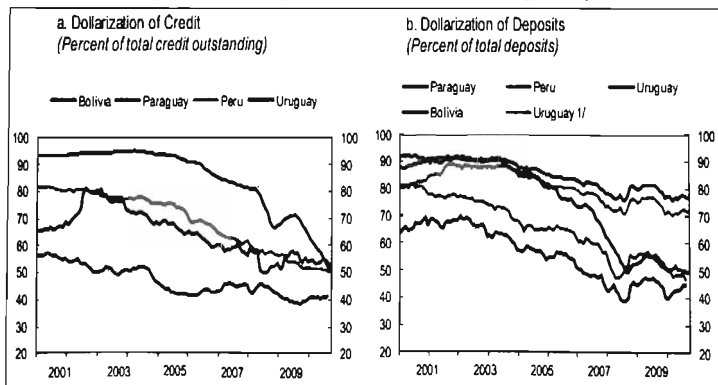
Mức độ nghèo đói – thu nhập thấp cũng có mối quan hệ với thực trạng đôla hóa tại các nước cộng hòa thuộc Liên Xô cũ theo hướng các nước nghèo nhất hoặc có mức sống thấp thường là những nước có mức độ đôla hóa cao nhất do người dân có xu hướng nắm giữ ngoại tệ hơn nội tệ do tình trạng yếu kém của nền kinh tế, chính sách an sinh xã hội không đảm bảo và khó khăn trong việc tiếp cận dịch vụ tài chính.

Kiểu hối cũng là một yếu tố tác động đến mức đôla hóa cao, do người dân thường chuyển tiền qua hệ thống ngân hàng và giữ lại dưới dạng ngoại tệ.

3.1.2. Đô la hóa tiền vay

Chênh lệch lãi suất cho vay giữa nội tệ

HÌNH 1: Mức độ đôla hóa ở một số nước Châu Mỹ Latinh, giai đoạn 2001 – 2009



Nguồn: Mercedes Garcia-Escribano and Sebastian Sosa, 2010, IMF.

Achentina là một quốc gia bắt đầu có sự gia tăng đáng kể mức độ đôla hóa từ mức 20% tiền gửi ngoại tệ/ tổng tiền gửi vào năm 1989 và tăng dần lên đến trên 60% vào năm 2001 do tình trạng siêu lạm phát đã khiến cho Chính phủ cho phép người dân sử dụng ngoại tệ song song với đồng nội tệ trong các giao dịch tài chính cũng như thực hiện các chức năng của tiền tệ. Tuy nhiên, Chính phủ Achentina đã bắt buộc chuyển đổi các khoản tiền gửi và tài sản tài chính ngoại tệ sang nội tệ vào năm 2002.

Braxin là một trong số ít các quốc gia đã trải qua giai đoạn siêu lạm phát mà không rơi vào tình trạng đôla hóa nền kinh tế thông qua việc: (1) cấm sử dụng ngoại tệ đối với các giao dịch tài chính trong nước; (2) sử dụng rộng rãi việc chỉ số hóa giá cả của các tài sản tài chính trong nước (tương tự như việc gắn tiền lương với CPI để giảm ảnh hưởng của lạm phát) và (3) duy trì lãi suất thực cao.

Bằng chứng thực tế tại các nước Achentina, Braxin và Pêru cho thấy đôla hóa có thể hữu ích để tiến hành chương trình ổn định hóa nền kinh tế thông qua việc tìm các cách thức hiệu quả để ổn định tỷ giá hối đoái. Tuy nhiên, tỷ lệ lạm phát của Achentina từ năm 2002 cao hơn so với Braxin và Pêru xuất phát từ chính sách bắt buộc giảm trừ đôla hóa của Chính phủ nước này. Braxin đã duy trì mức lãi suất thực cao hơn so với Achentina và Pêru kể từ năm 2001 để đạt được mục tiêu ổn định nền kinh tế và duy trì mức lạm phát thấp. Đối với Pêru, với tỷ lệ đôla hóa cao hơn nên có thể ổn định giá cả và kiểm soát lạm phát với mức lãi suất thực thấp hơn so với các nước có tỷ lệ đôla hóa thấp hơn.

Tỷ giá hối đoái thực của nền kinh tế có mức độ đôla hóa cao như Pêru ổn định hơn so với các nền kinh tế có mức độ đôla hóa thấp như Braxin và Achentina (từ năm 2002). Tình hình tăng trưởng GDP của các

nước có mức độ đôla hóa cao (Pêru) dường như cao hơn đáng kể so với các nước có mức độ đôla hóa thấp hơn.

Mặc dù thực trạng đôla hóa của các nước Achentina, Braxin và Pêru giai đoạn 1989 – 2013 có thể đưa ra quan điểm cho rằng tình trạng đôla hóa tại các nước đang phát triển sẽ đem lại những tác động tích cực nhất định đến mục tiêu kiểm soát lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái và tăng trưởng kinh tế; tuy nhiên, những gì xảy ra tại Achentina vào năm 2001 đã cho thấy một nền kinh tế có mức độ đôla hóa có thể rơi vào khủng hoảng tài chính do sự không tương xứng tiền tệ và mất cân bằng cán cân thanh toán.

Nguồn gốc của tình trạng đôla hóa cao tại Achentina vào thập niên 1990 bắt nguồn từ việc nền kinh tế của quốc gia này ở trước đó có tỷ lệ lạm phát cao từ 100% đến 1000%/ năm. Tổng thống Menem trong nhiệm kỳ 1989 – 1994 đã tiến hành cuộc cải cách kinh tế theo hướng thị trường tự do để giảm gánh nặng của Chính phủ bằng việc tư nhân hóa các doanh nghiệp nhà nước, tự do hóa kinh doanh, cắt giảm một số thuế suất và cải cách chính phủ. Đặc biệt, kể từ ngày 1-4-1999, Achentina đã thông qua Luật Chuyển đổi ngoại tệ nhằm chấm dứt giai đoạn lạm phát phi mã của nước này thông qua việc thiết lập cơ chế tỷ giá cố định với đồng đôla Mỹ, cho phép người dân nắm giữ đồng tiền được bảo đảm bằng đồng đôla Mỹ với mức chuyển đổi vào thời điểm 1-1-1992 là 10.000 australes của Achentina được đổi thành 1 peso = 1USD. Điều này giúp lạm phát giảm từ 1.344% vào năm 1990 chỉ còn 29% vào năm 1991. Giai đoạn này, Achentina cho phép người dân được tự do sử dụng đồng đôla Mỹ và thiết lập một hệ thống “lương vị” dẫn đến các khoản tiền gửi và cho vay trong hệ thống ngân hàng bằng USD ngày càng trở nên phổ biến.

Việc các cá nhân và doanh nghiệp được

tiết kiệm và tiến hành các giao dịch tự do bằng nội tệ và ngoại tệ đã giúp cho quốc gia này đạt được những thành tựu đáng kể trong việc chống siêu lạm phát, ổn định và tăng trưởng kinh tế, hội nhập thương mại toàn cầu và các dòng vốn quốc tế.

Tuy nhiên, dưới tác động của các thị trường tài chính như việc México phá giá đồng tiền vào tháng 12-1994 và sau đó là các cuộc khủng hoảng tiền tệ ở Nga và Braxin đã đẩy Acentina vào suy thoái. Bước vào giai đoạn 1999 – 2001, với sự giảm sút nghiêm trọng của hoạt động thương mại thì chính sách này của Acentina dường

như không có hiệu quả, dẫn đến tình trạng thiếu phát và vấn đề nợ chính phủ gia tăng.

4. Nguyên nhân của xu hướng giảm mức độ đôla hóa tại các nước Châu Mỹ Latinh

Tại các nước Châu Mỹ Latinh, việc giảm mức độ đôla hóa đã diễn ra đột ngột tại Acentina và diễn ra dần dần tại các nước Bôlivia, Paraguay và Pêru nhờ sự thực hiện thành công các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô tại các quốc gia này mặc dù có sự khác biệt nhất định giữa các quốc gia (bảng 2).

BẢNG 2: Giảm đôla hóa tại Bôlivia, Paraguay, Pêru và Uruguay

		Tỷ lệ đôla hóa (%)		Tỷ lệ giảm đôla hóa (%)
		2001: Q1	2010: Q3	2001 - 2010
Pêru	Tiền gửi	78,5	49,7	-28,7
	Cho vay	78,9	52,1	-26,8
Paraguay	Tiền gửi	69,7	43,5	-26,1
	Cho vay	53,3	38,6	-14,7
Bôlivia	Tiền gửi	93,2	51,4	-41,8
	Cho vay	94,4	53,8	-40,7

Nguồn: Mercedes García-Escribano and Sebastián Sosa, 2011.

Theo kết quả nghiên cứu thực nghiệm của Mercedes García-Escribano và Sebastián Sosa cho thấy các nguyên nhân chính làm giảm mức độ đôla hóa tiền gửi và cho vay tại các nước Bôlivia, Paraguay, Pêru và Uruguay trong giai đoạn 2001 – 2010 bao gồm:

- Xu hướng tăng giá nội tệ tại các nước Bôlivia, Paraguay, Pêru và Uruguay là nguyên nhân chính làm giảm mức độ đôla hóa tiền gửi.

- Gia tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi ngoại tệ so với nội tệ sẽ làm giảm mức độ đôla hóa tiền gửi cũng như cho vay.

Áp dụng các biện pháp chặt chẽ hơn

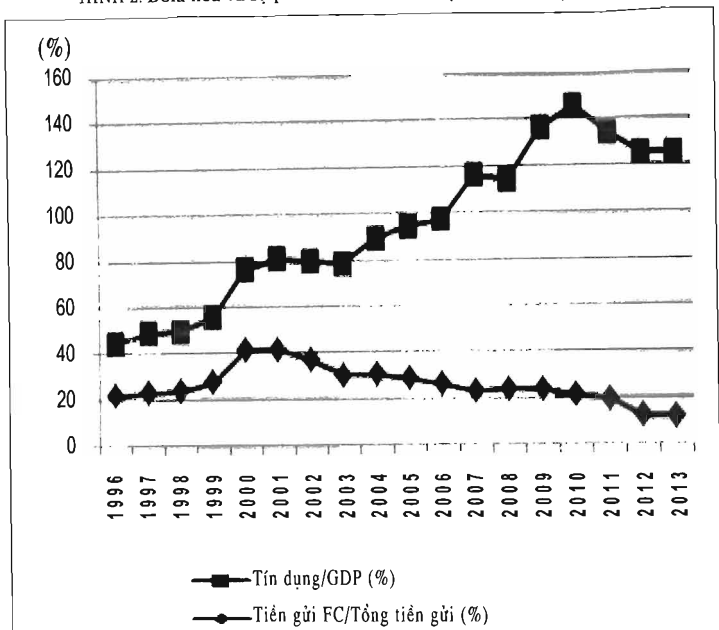
trong việc: (1) sử dụng ngoại tệ làm phương tiện thanh toán đối với cá nhân, tổ chức; (2) giảm động lực huy động và cho vay ngoại tệ của các ngân hàng bằng việc tăng mức dự phòng rủi ro đối với các khoản vay bằng ngoại tệ; (3) yêu cầu mức độ an toàn vốn cao ở mức rủi ro cao hơn đối với các khoản cho vay bằng ngoại tệ; (4) áp đặt thuế giao dịch đối với các hoạt động thương mại, tài chính tiến hành bằng ngoại tệ trong khi miễn thuế đối với giao dịch bằng nội tệ.

5. Thực trạng và nguyên nhân đôla hóa tại Việt Nam

Mức độ phát triển của hệ thống tài chính tại Việt Nam trong giai đoạn 1996 – 2013 với mức tiền gửi ngoại tệ trên tổng

tiền gửi trên 40% vào năm 2000 và 2001 đã giảm dần xuống dưới 20% vào những năm gần đây (hình 2).

HÌNH 2: Đôla hóa và sự phát triển của lĩnh vực tài chính tại Việt Nam



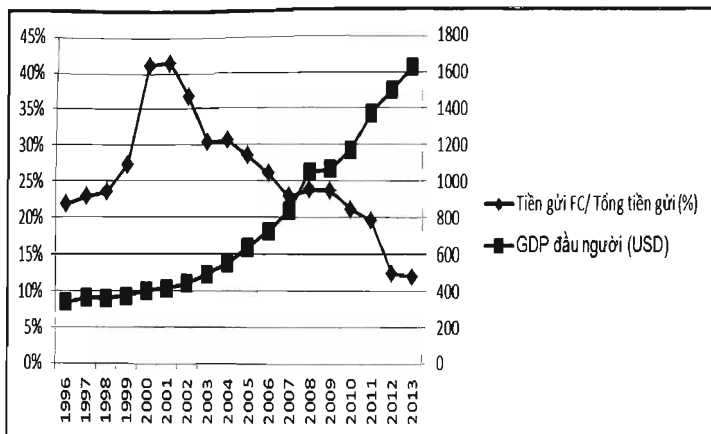
Nguồn: IMF, Vietnam: Country Report từ 2001 đến 2012; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Báo cáo thường niên và thông tin cập nhật trên website: www.sbv.gov.vn

Năng lực quản trị quốc gia và sự ổn định chính trị của Việt Nam cũng cho thấy từ những năm 2000, mức độ đôla hóa tại Việt Nam đã giảm dần, còn dưới 20% vào những năm sau 2010, cùng với sự gia tăng và ổn định của năng lực quản trị quốc gia và sự ổn định chính trị (theo đánh giá của World Bank).

Thu nhập bình quân đầu người của Việt

Nam mặc dù không cao như các nước thuộc Liên Xô cũ, nhưng cũng cho thấy rằng khi GDP đầu người của Việt Nam gia tăng liên tục trong gần 20 năm, từ 337 USD vào năm 1996 lên 1.627 USD vào năm 2013, thì mức độ đôla hóa của Việt Nam cũng đã giảm từ 40% vào những năm 2000 còn dưới 20% vào những năm sau 2010 (hình 3).

HÌNH 3: Thu nhập đầu người và đôla hóa tại Việt Nam



Nguồn: IMF - Country Report - Viet nam.

Kiểu hối của Việt Nam mặc dù đã tăng hơn 22 lần về quy mô vào năm 2013 (khoảng 11 tỷ USD) so với năm 1996 (khoảng 469 triệu USD) góp phần đem lại nguồn vốn phục vụ cho việc kinh doanh, đầu tư phát triển kinh tế tại Việt Nam. Tuy nhiên, do tăng trưởng GDP của Việt Nam trong giai đoạn 1996 – 2013 cũng tăng trưởng đáng kể, nên tỷ trọng của kiều hối/GDP chỉ đạt dưới 10%; do đó, cùng với các nhân tố khác đã làm cho mức độ đôla hóa tại Việt Nam khá phù hợp với các nghiên cứu tại các nước đang phát triển trên thế giới.

Lạm phát (tính bằng CPI bình quân hàng năm) tại Việt Nam trong giai đoạn 1996 – 2013 không cho thấy mối quan hệ rõ ràng giữa tỷ lệ lạm phát cao sẽ dẫn đến mức độ đôla hóa cao, xuất phát từ dữ liệu về lạm phát tại Việt Nam chưa có độ chính xác phù hợp.

Lãi suất thực (tính bằng lãi suất tiền gửi 3 tháng loại trừ CPI cuối kỳ) tại Việt Nam cũng chưa thể hiện được rõ nét mối quan hệ nghịch khi giai đoạn 1996 – 2013 cho thấy mức độ đôla hóa tại Việt Nam giảm, trong khi lãi suất thực lại không thể hiện được xu hướng tăng theo giả định của các lý thuyết kinh tế.

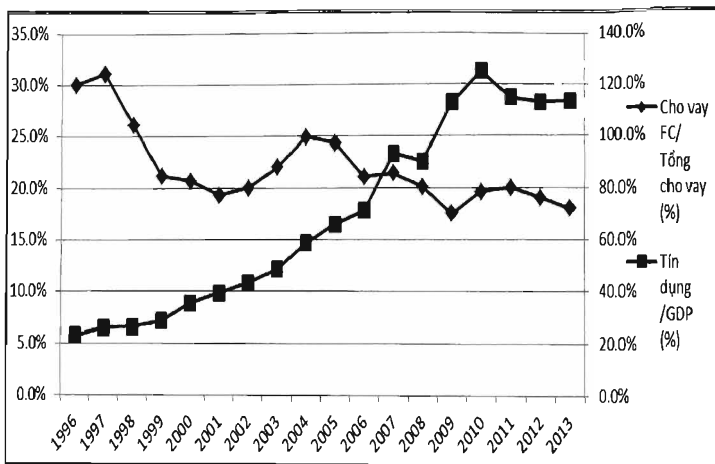
Tỷ giá hối đoái thực tại Việt Nam trong giai đoạn 1996-2013 cho thấy có dấu hiệu của mối quan hệ ngược chiều giữa tỷ giá hối đoái thực với mức độ đôla hóa và cũng khá ổn định.

Đôla hóa tiền vay tại Việt Nam trong giai đoạn 1996 – 2013 đã có sự sụt giảm tương đối về tỷ trọng, cụ thể là đã giảm từ trên 30% ở những năm cuối thập niên 1990 còn khoảng 20% vào đầu những năm thập niên 2013 nhờ các chính sách thắt chặt điều kiện cho vay ngoại tệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành. Tuy

nhiên, nếu xét về quy mô tuyệt đối thì cho vay bằng ngoại tệ tại Việt Nam cũng đã đạt khoảng 30 tỷ USD vào năm 2013 so với 1,7 tỷ USD vào năm 1996, cho thấy nguy

cơ rủi ro tiềm ẩn đến sự an toàn của hệ thống ngân hàng Việt Nam khi có các biến động bất lợi về tỷ giá hối đoái là không nhỏ.

HÌNH 4: Đôla hóa tiền vay tại Việt Nam



Nguồn: IMF - Country Report - Viet nam và ước tính của tác giả cho số liệu cho vay FC năm 2012 và 2013.

Nhằm bước đầu thực hiện đánh giá định lượng về nguyên nhân và tìm ra các giải pháp cho tình trạng đôla hóa tại Việt Nam hiện nay, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn có định hướng với 33 chuyên gia trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

Kết quả khảo sát cho thấy nguyên nhân chủ yếu của tình trạng đôla hóa tại Việt Nam là do (1) đồng nội tệ mất giá; (2) tỷ lệ lạm phát cao; (3) kinh tế vĩ mô bất ổn; (4) mức sống thấp; (5) gặp khó khăn khi cần mua ngoại tệ.

Nhằm giảm tình trạng đôla hóa tại Việt Nam, các chuyên gia cho rằng có 5 giải pháp ưu tiên bao gồm: (1) cấm sử dụng

ngoại tệ trong giao dịch hàng hóa, dịch vụ trong nước; (2) nâng cao năng lực quản trị, điều hành đất nước; (3) ổn định chính trị; (4) ổn định kinh tế vĩ mô và (5) duy trì lãi suất thực dương.

6. Kết luận

Tình trạng đôla hóa hoặc ngoại tệ hóa các khoản tiền gửi và cho vay của ngân hàng là hiện tượng phổ biến ở các nền kinh tế ở các nước đang phát triển và chuyển đổi.

Mặc dù tình trạng đôla hóa trong một chừng mực nhất định được xem là giải pháp khả thi nhằm ổn định tình hình kinh tế vĩ mô, giảm tỷ lệ lạm phát và kỳ vọng

lạm phát, nhưng nó cũng đem lại nguy cơ bất ổn cho nền kinh tế khi có sự thay đổi bất lợi đáng kể của tỷ giá hối đoái cũng như các chính sách thương mại, tài chính của quốc gia có đồng tiền mạnh được nước khác nắm giữ. Ngoài ra, tình trạng đôla hóa cũng làm giảm đi hiệu quả của các chính sách tiền tệ để tác động đến cung tiền trong nền kinh tế./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alexey Ponomarenko, Alexandra Soloveyeva and Elena Vasilieva (2011), "Financial Dollarization in Russia: Cause and Consequences, BOFIT Discussion Papers, No. 36.2011.
2. Dabla-Norris and Floerkemeier (2006), "Transmission Mechanism of Monetary Policy in Armenia: Evidence from VAR Analysis", IMF Working Paper, No.06/248.
3. De Nicolo, Honohan and Ize (2003), "Dollarization of the Banking System: Good or Bad?", IMF Working Paper, No. 03/146.
4. Fabricio de Assis C. Vieira, Marcio Hooland and Marco Flavio da Cunha Resende (2012), "Financial dollarization and systemic risks: New empirical evidence".
5. Domingo Cavallo (2013), "Financial Dollarization: Help or Hindrance in Maintaining Stability?
6. Havrylyshyn, O., Beddies, Ch.H. (2003), "Dollarization in the Former Soviet Union: From Hysteria to Hysteresis", Comparative Economics, Vol. 45, pp. 329- 357.
7. Mercedes García-Escribano and Sebastián Sosa (2011), "What is Driving Financial De-dollarization in Latin America?", IMF Working Paper.
8. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Báo cáo thường niên 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011 và thông tin cập nhật trên website: www.sbv.gov.vn
9. Levy Yeyati (2006), "Financial Dollarization", Economic Policy, CEPR.
10. IMF (2007), Country Report, Ukraine: Selected Issues.
11. IMF, Vietnam: Country Report 2001, 2003, 2004, 2005 đến 2008, 2010 và 2012.
12. Isakova Asel (2010), "Financial Sector Development and Dollarization in the Economies of Central Asia", EBRD.
13. Jim Saxton (2003), "Argentina's Economic Crisis: Causes and Cures", Joint Economic Committee, United States Congress.
14. José M.Canas (2010), "Dollarization Decline in Latin America", IMF Working Paper.